

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020
và kế hoạch thực hiện năm 2021 trên địa bàn xã AL Bá

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Tổ chức các buổi họp thôn, làng, các buổi sinh hoạt của các tổ chức Chính trị - xã hội; tuyên truyền bằng loa đài, băng rôn, áp phích đồng thời bàn bạc thống nhất từng nội dung trong thực hiện Đề án. Người dân tham gia đóng góp vốn xây dựng công trình như đường đi, nhà sinh hoạt cộng đồng, tham gia đối ứng thực hiện các dự án về chăn nuôi, trồng trọt góp phần cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập...

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Chư Sê chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới của xã đã tổ chức phát động phong trào thi đua “Chư Sê chung sức xây dựng Nông thôn mới” gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “*Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng Nông thôn mới*” đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã. Người dân đồng lòng thực hiện và có nhiều tấm gương điển hình trong việc đóng góp xây dựng Nông thôn mới cụ thể:

Làng Blút Róh vận động nhân dân đóng góp 50.600.000 đồng; làng Ia Hboòng vận động 76.100.000 đồng để xây dựng đường giao thông nông thôn trong làng.

c) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

- Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ban Thường vụ Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Đảng Ủy, chính quyền xã cùng với cộng đồng dân cư nông thôn đồng lòng xây dựng Nông thôn mới nên Năm 2015 Xã AL Bá được Tỉnh công nhận xã đạt chuẩn Nông thôn mới giai đoạn 2011-2015;

Là xã đạt chuẩn Nông thôn mới nên đời sống người dân được nâng cao. Chính mỗi người dân được biết, được bàn, được quyết định, tự làm, tự giám sát và được thụ hưởng. Đóng góp công sức, tiền của để chỉnh trang nơi ở của gia đình mình, đầu tư cho sản xuất, đóng góp xây dựng các công trình công cộng của thôn, xã. Toàn dân đồng lòng, phấn đấu để xây dựng xã Nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm, Chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của xã. Thực hiện Nghị Quyết số 11/NQ-HU về việc phát triển Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến nay trên địa bàn xã đã thực hiện được 7 ha Trồng dâu nuôi tằm đạt hiệu quả. Chuyển đổi diện tích tiêu chết sang các loại cây trồng ngắn ngày và giá trị kinh tế cao như Bơ, sầu riêng, mít thái, cây ăn quả khác, cây dược liệu, dâu tằm.

Môi trường, nhà ở, điện, đường, trường, trạm và hộ nghèo được chú trọng nâng cao, hỗ trợ phát triển tính đến cuối năm 2020 toàn xã chỉ còn 74 hộ nghèo, giảm mạnh so với đầu giai đoạn.

- Khó khăn, nguyên nhân

Thực hiện đường lối đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, nhiều thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Kết cấu hạ tầng nông thôn như: điện, đường, trường, trạm, chợ, thủy lợi, môi trường còn nhiều yếu kém; sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, chất lượng nông sản còn thấp, bảo quản chế biến chưa gắn với thị trường tiêu thụ; ứng dụng khoa học công nghệ còn chậm. Thu nhập của nông dân thấp, vẫn còn hộ nghèo; kinh tế hộ, kinh tế trang trại, hợp tác xã còn nhiều yếu kém; đời sống tinh thần của nhân dân còn hạn chế, nhiều nét văn hoá truyền thống đang có nguy cơ mai một; an ninh nông thôn chưa được đảm bảo...

2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp.

Đảng Ủy ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên cụ thể; UBND xã ban hành Quyết định thành lập Ban Quản lý xây dựng Nông thôn mới, thành lập ban giám sát cộng đồng xây dựng Nông thôn mới. Sau khi thành lập Ban chỉ đạo và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới, Tổ công tác được thành lập đã tiến hành điều tra, tập hợp số liệu tình hình Kinh tế - xã hội, hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của xã, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân để làm cơ sở lập quy hoạch, kế hoạch; HĐND xã ra Nghị Quyết đề nghị UBND huyện phê duyệt dự án làm cơ sở để Ban quản lý triển khai thực hiện.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp.

- Đảng ủy xã đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới theo Quyết định số 23/QĐ-ĐU ngày 22/02/2011. Thành viên trong Ban chỉ đạo gồm:

- + Trưởng ban chỉ đạo: Đ/c Bí thư xã
- + Phó trưởng ban: Đ/c Chủ tịch UBND xã
- + Thành viên: Đ/c Chủ tịch MTTQ xã
- + Thành viên: Đ/c Chủ tịch Hội nông dân xã
- + Thành viên: Đ/c Chủ tịch Hội phụ nữ xã
- + Thành viên: Đ/c Bí thư Đoàn thanh niên xã
- + Thành viên: Đ/c Chủ tịch Cựu chiến binh xã
- UBND xã thành lập Ban quản lý xây dựng Nông thôn mới theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 22/02/2011. Thành viên trong Ban quản lý gồm:
 - + Trưởng ban chỉ đạo: Đ/c chủ tịch xã
 - + Phó trưởng ban: Đ/c Phó chủ tịch xã
 - + Ủy viên thường trực: Văn phòng thống kê
 - + Ủy viên thường trực: Công chức tài chính – kế toán
 - + Ủy viên thường trực: Hiệu trưởng 2 trường
 - + Ủy viên thường trực: Trưởng trạm y tế....

Đến nay Công chức Địa chính nông nghiệp xã phụ trách tham mưu chính, tổng hợp, báo cáo công tác xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn xã.

3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ Tướng Chính phủ “V/v phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn Tỉnh Gia Lai; Đảng Ủy xã đã ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND Tỉnh Gia Lai về việc công nhận xã AL Bá thuộc huyện Chư Sê đạt chuẩn xã Nông thôn mới năm 2015 theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

Năm 2020 tỉnh coi trọng đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã (theo Luật Hợp tác xã năm 2012); thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế nông thôn để tăng thu nhập người dân nông thôn một cách bền vững. Ưu tiên hình thành các mối liên kết sản xuất với các hợp tác xã và doanh nghiệp.

Nâng cao năng lực cho cán bộ thuộc Ban quản lý, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, thôn trưởng các thôn, làng được tập huấn, tập trung chủ yếu vào các nội dung: Hướng dẫn triển khai các cơ chế, chính sách mới; giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, cũng như trang bị cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp kỹ năng về: xây dựng, lập kế hoạch; tuyên truyền, vận động...).

Tập huấn nâng cao kiến thức về chương trình “OCOP” đến các hợp tác xã, cá nhân, lãnh đạo và cán bộ phụ trách Nông thôn mới cấp xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Xã AL Bá có quy hoạch chung về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, có Quyết định của UBND huyện Chư Sê về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới

- Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 29/09/2011 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã AL Bá, huyện Chư Sê giai đoạn 2011 – 2020;

- Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 17/08/2016 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã AL Bá, huyện Chư Sê đối với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND huyện Chư Sê về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã AL Bá, huyện Chư Sê đến năm 2030, kèm theo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã AL Bá huyện Chư Sê đến năm 2030.

- Đánh giá về chất lượng quy hoạch, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân: Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới cơ bản phù hợp với địa phương. Người dân tự nguyện hiến đất để thực hiện đảm bảo quy hoạch Nông thôn mới của xã. Tuy nhiên xã không có quỹ đất công để thực hiện các công trình công cộng như: sân bóng đá... Từ đó phải quy hoạch vào diện tích đất cao su mà cao su chưa đến thời kỳ tái canh nên không thu hồi được.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung về xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế xã hội

- **Tiêu chí về giao thông:**

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện 100% được nhựa hóa, bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm trên tổng số 5,1 km;

+ Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng được cứng hóa 17,86/20,9 km đạt 85,45% > 70%;

+ Đường ngõ xóm sạch sẽ và không lầy lội vào mùa mưa với 14,765/25,36 km đường được cứng hóa đạt 58,2% > 50%;

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm với 10,2/13,96 km đường được cứng hóa đạt 73,06% > 70%.

- **Tiêu chí số 3 về thủy lợi:**

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn xã là 2.164 ha. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động trên địa bàn xã đạt 85% là 1837,3 ha.

+ Hàng năm kiện toàn bộ máy thực hiện công tác phòng chống thiên tai theo quy định, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn nhân lực và vật lực sẵn sàng trong công tác phòng chống thiên tai. Cập nhật thường xuyên và phổ biến hoạt động của thiên tai cũng như công tác chủ động ứng phó với thiên tai.

- **Tiêu chí số 4 về Điện:** Xã có hệ thống điện đạt chuẩn và Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%.

- **Tiêu chí số 5 về trường học:** Toàn xã có 2 trường là trường mầm non và trường tiểu học và THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cơ bản đạt chuẩn quốc gia.

- **Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa:**

+ Xã có sân bê tông vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi. Có dụng cụ luyện tập với diện tích sân rộng 200 m².

+ 6/7 thôn làng có nhà sinh hoạt văn hóa

- **Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:** Xã có chợ là nơi mua bán trao đổi hàng hóa của toàn xã.

- **Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:**

+ Xã có 1 điểm phục vụ bưu chính

+ Tất cả thôn làng đều có khả năng sử dụng dịch vụ điện thoại, dịch vụ truy cập internet hoặc điểm phục vụ dịch vụ viễn thông

+ Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

- **Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư:** Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát và Tỷ lệ nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định là 75,5% > 75% trong tổng số hộ: 1165/ 1543 hộ

- **Tiêu chí số 10 về thu nhập:** Mức thu nhập bình quân đầu người là 40 triệu đồng/người/năm

- **Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm:** Tỷ lệ lao động có việc làm đạt 93.05 % > 90% trên tổng số 3575 lao động

b) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân.

Căn cứ theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai đến nay trên địa bàn xã đã đạt hết các tiêu chí nêu trên.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp phối hợp với UBND xã triển khai mô hình sản xuất Trồng dâu nuôi tằm nhằm định hướng cho người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi hiệu quả phù hợp với thực tế của địa phương, liên kết với doanh nghiệp tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm của người dân. Hợp tác xã là đơn vị trung gian tại địa phương giữa người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-HU về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trên địa bàn xã thực hiện đăng ký 11,1 ha dâu tằm và 1,6 ha cây dược liệu. Đến nay cây dược liệu đã cho thu hoạch và dâu đã cho lá để nuôi tằm. góp phần tạo thu nhập ổn định đời sông cho người dân.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo: Tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã đầu năm 2020 là 95 hộ chiếm 6,25%; số hộ nghèo đến tháng 12 năm 2020 còn 74 hộ chiếm 4,8%.

- Những khó khăn, vướng mắc: Toàn xã tỷ lệ người địa phương chiếm 68,4% trên tổng số nhân khẩu, tâm lý của người dân còn ỷ lại, thụ động trong sản xuất phát triển kinh tế, trình độ dân trí còn thấp, bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau dẫn đến công tác xóa đói, giảm nghèo gặp nhiều khó khăn. Hạn chế trong công tác tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện các chương trình.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở địa bàn xã đạt theo quyết định 250/QĐ-UBND.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 83.8 % >70%.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 27.26 % > 25% trên tổng số LĐ được đào tạo nghề: 905 lao động

- Những khó khăn, vướng mắc: Các hộ gia đình người địa phương tự giác đưa con em đủ tuổi đến trường còn hạn chế.

6. Chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

- Toàn xã có một trung tâm y tế xã, dưới thôn làng có các cán bộ y tế cơ sở. Đạt chuẩn quốc gia về y tế. Trung tâm y tế xã trực, khám đáp ứng tốt yêu cầu thăm khám của người dân trên địa bàn xã.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

- Toàn xã có 7/7 thôn làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định

- Vận động người dân nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh là 96% > 95% và nước sạch theo quy định là 50,9 % > 50%

- 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn
- Có nghĩa trang để mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch
- Có xe thu gom và lò xử lý chất thải rắn trên địa bàn, khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Có bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo quy định.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 71% > 70%
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 61.28% > 60%
- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn 100%.
- Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên và đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định
- Xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền và đảm bảo bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Xã có lực lượng dân quân tự vệ và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng giao
- Về an ninh, trật tự xã hội được đảm bảo, trong năm không có khiếu kiện đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.
- Những khó khăn, vướng mắc: Công tác phát lệnh đi nghĩa vụ quân sự thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, người dân chưa nghiêm chỉnh chấp hành.

11. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM đến tháng 12 năm 2020

- Xã đạt 19/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

12. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào thiểu số trên địa bàn tỉnh

Đến tháng 12 năm 2020 Làng Klah đã đạt 13/19 tiêu chí làng Nông thôn mới thuộc bộ tiêu chí Làng nông thôn mới theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai.

*** Các tiêu chí đã đạt:**

- Tiêu chí số 3 về thủy lợi;
- Tiêu chí số 4 về điện;
- Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại;
- Tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông;
- Tiêu chí số 9 về nhà ở và khuôn viên hộ gia đình;
- Tiêu chí số 11 về hộ nghèo;
- Tiêu chí số 12 về lao động có việc làm;
- Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất;
- Tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo;
- Tiêu chí số 16 về văn hóa;
- Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm;
- Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị tiếp cận pháp luật;
- Tiêu chí số 19 về hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật.

*** Các tiêu chí chưa đạt:**

- Tiêu chí số 1 về quy hoạch đạt 50% tức 1/2 chỉ tiêu của tiêu chí (Chỉ tiêu số 2 về Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng chưa được quy hoạch và cắm mốc; dự kiến hoàn thành quy hoạch làng trong quý I/2021).

- Tiêu chí số 2 về giao thông đạt 75% tức 3/ 4 chỉ tiêu của tiêu chí (Chỉ tiêu số 4 về đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa đạt 1,82 km/3,67 km chiếm 49,6% < 70% dự kiến thực hiện vào năm 2021).

- Tiêu chí số 5 về trường học chưa có công trình phụ trợ là nhà vệ sinh; dự kiến thực hiện vào năm 2021

- Tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa chưa có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng. Dự kiến thực hiện vào năm 2021.

- Tiêu chí số 10 về thu nhập: Thu nhập của làng chỉ đạt 35 triệu/người/năm < 38 triệu/người/năm;

- Tiêu chí số 15 về y tế đạt 75% tức 3/ 4 chỉ tiêu của tiêu chí (chỉ tiêu về tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi chỉ đạt 27,8 < 97%; Dự kiến đạt năm 2021.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

Trong năm qua xã đã đạt được nhiều thành tích trong công tác xây dựng Nông thôn mới, điển hình là hệ thống giao thông trên địa bàn xã được xây dựng cơ bản hoàn chỉnh từ các tuyến đường liên thôn, làng. Đường trục chính nội đồng được cứng hóa và bê tông hóa đảm bảo hoạt động lưu thông của người dân trên địa bàn.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm hẳn, từ đầu năm 2020 số hộ nghèo là 95 hộ chiếm 6,25% đến cuối năm 2020 Số hộ nghèo giảm còn 74 hộ chiếm 4,8%;

Vấn đề môi trường, an sinh xã hội được nâng cao. Rác thải được thu gom và có lò xử lý rác. Bao bì, chai lọ thuốc BVTV được tập trung tại các bể chứa thuốc BVTV để xử lý theo quy định. Góp phần xây dựng môi trường sống cho người dân trên địa bàn được trong lành, sạch, đẹp.

Xóa nhà tạm, nhà dột nát. Số nhà đạt tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng tăng.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

- Bên cạnh đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, xã vẫn còn một số hạn chế đó là: Tình hình sản xuất nông nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết không thuận lợi, tình hình sâu bệnh hại phức tạp đã ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, năng suất và sản lượng nông nghiệp. Giá cả nông sản thấp làm giảm thu nhập từ đó ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân dẫn đến công tác thu các loại quỹ một số thôn còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Một số chương trình chuyển đổi cây trồng còn chưa hiệu quả, chưa phát huy hết thế mạnh của địa phương.

- Tỷ lệ người Đồng bào dân tộc thiểu số cao chiếm gần 65% với Trình độ dân trí thấp nên khó tiếp cận, triển khai đào tạo nghề, nâng cao trình độ phát triển kinh tế của địa phương.

- Các chương trình hỗ trợ chuyển đổi cây trồng còn dang dở chưa thực hiện được như kế hoạch đề ra.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung.

- Duy trì các tiêu chí đã đạt theo bộ tiêu chí Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, xây dựng nâng cao các tiêu chí còn yếu như giáo dục và đào tạo, môi trường và an toàn thực phẩm, nhà ở và dân cư, hộ nghèo.

- Xây dựng làng Klah đạt Làng Nông thôn mới theo Bộ tiêu chí về Làng Nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thành quy hoạch và đề án xây dựng làng Nông thôn mới;

- Phân đầu xây dựng nâng cao các tiêu chí như: Hộ nghèo, giáo dục và đào tạo, nhà ở và dân cư, thu nhập trên địa bàn làng.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân xây dựng Nông thôn mới

- Chú trọng phát triển nông nghiệp địa phương. Xây dựng sản phẩm đặc trưng của xã, thực hiện liên kết mỗi xã một sản phẩm OCOP để tăng chất lượng sản phẩm và thu hút doanh nghiệp tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm của địa phương.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh; ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi đặc biệt hệ thống thủy lợi làng Blút Griêng và Ia Hbông để phục vụ thâm canh tăng năng suất cây trồng, vùng sản xuất cây công nghiệp phục vụ chế biến xuất khẩu; xây dựng, chuyển đổi diện tích lúa thiếu nước sang trồng cây rau màu; phát triển trang trại chăn nuôi ở các thôn, làng theo hướng công nghiệp, an toàn sinh học.

2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình

- UBND huyện thực hiện các chương trình hỗ trợ chuyển đổi cây trồng như các dòng cây ăn trái, cam quýt... chuyển đổi từ diện tích tiêu chết, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Chính quyền địa phương phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác trồng trọt và chăn nuôi theo hướng kỹ thuật cao.

- Huy động tối đa nguồn lực từ người dân tham gia đóng góp và thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục mở các lớp Bồi dưỡng chức danh, Quản lý nhà nước để cán bộ công chức được theo học.

- Đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục cán bộ, đảng viên. Nội dung giáo dục bồi dưỡng phải toàn diện, tập trung vào mục tiêu, lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm, năng lực công tác.

- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển cây dài ngày: cà phê, cây ăn trái... từ diện tích tiêu chết; định hướng chuyển đổi những loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương có giá trị kinh tế cao như trồng dâu nuôi tằm...

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nông thôn mới đến tháng 12 năm 2020 và kế hoạch thực hiện năm 2021 của xã AL Bá, báo cáo Ban chỉ đạo xây dựng Nông thôn mới cấp huyện nắm bắt, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- TT Đảng ủy xã;

TRƯỞNG BQL XÂY DỰNG NTM
TRƯỞNG BAN

- CT, PCT UBND xã;
- HĐND xã;
- Lưu: VT, ĐCNN.

Nguyễn Văn Công

Phụ biểu số 04 (Kèm theo Mẫu số 02)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả huy động năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020	Kết quả giải ngân năm 2020	Kế hoạch huy động năm 2021
	TỔNG SỐ					
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		1.140	1.140	1.140	
1	Trái phiếu Chính phủ					
2	Đầu tư phát triển					
3	Sự nghiệp					
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
1	Tỉnh					
2	Huyện					
3	Xã					
III	VỐN LÒNG GHÉP					
IV	VỐN TÍN DỤNG (*)					
V	VỐN DOANH NGHIỆP					
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ		136,7	136,7		
1	Tiền mặt					
2	Ngày công và hiện vật quy đổi					

(*): Vốn tín dụng: Phải thống nhất theo số liệu đã gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Gia Lai.

Phụ biểu số 05 (Kèm theo Mẫu số 02)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020	Kế hoạch thực hiện năm 2021	Ghi chú
	TỔNG CỘNG				
1	Giao thông		1.140		
2	Thủy lợi				
3	Điện				
4	Trường học				
5	CSVC Văn hóa				
6	Cơ sở hạ tầng thương mại				
7	Trạm y tế xã				
8	Công trình cung cấp nước sạch				
9	Công trình xử lý môi trường				
10	Khác				

Phụ biểu số 06 (Kèm theo Mẫu số 02)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2020.

DVT kinh phí: triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư	Kết quả thực hiện năm 2020										Kế hoạch năm 2021										Ghi chú				
		Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp						Đơn vị tính	Khối lượng	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp												
					Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP	Lông ghép				Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Ngân sách Trung ương			NSDP		Lông ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp
						TPCP	ĐTPT	SN										TPCP	ĐTPT	SN						
1	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới																									
2	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới			5																						
3	Hoạt động của BCD và cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp			20																						
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới																									
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội																									
5.1	Giao thông nông thôn				1.140																					
5.2	Thủy lợi nội đồng																									
5.3	Điện nông thôn																									
5.4	Trường học																									
5.5	CSVC Văn hóa xã																									

Phụ biểu số 08 (Kèm theo Mẫu số 02)
KẾT QUẢ XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Đến tháng 12 năm 2020)

Ghi chú: Tiêu chí đạt đánh dấu x

STT	Huyện, Thị xã, Thành phố	Nhóm tiêu chí																				
		Quy hoạch	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội									Kinh tế tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường				Hệ thống chính trị		Tổng số tiêu chí đạt
		1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh		
1	Xã Albá	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19/19	

Phụ biểu số 09 (Kèm theo Mẫu số 03)
KẾ HOẠCH XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021

***Ghi chú:** Tiêu chí đạt đánh dấu x*

Stt	Huyện, Thị xã, Thành phố	Nhóm tiêu chí																			Tổng số tiêu chí đạt
		Quy hoạch	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội								Kinh tế tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường				Hệ thống chính trị		
		1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thủy lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh	
1	Xã Albá	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19/19

Phụ biểu số 10 (Kèm theo Mẫu số 02)

BÌNH QUÂN THU NHẬP ĐẦU NGƯỜI CỦA XÃ ALBÁ

Stt	Địa bàn xã	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú của xã (triệu đồng)	Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã (người)	Tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú của xã (triệu đồng)	Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã (người)	Tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú của xã (triệu đồng)	Số nhân khẩu thực tế thường trú của xã (người)
1	Xã Albá	35	6161	38,14	6168	40	6188

Ghi chú: Nội dung thống kê số liệu thực hiện theo Công văn số 884/STC-QLNS ngày 28/4/2017 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí thu nhập bình quân đầu người trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

